| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ CẦN THƠ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 01/2024/KDTM-PT
Ngày: 26/01/2024
*V/v: "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Trí Dũng

*Các Thẩm phán:* Bà Phan Thị Hồng Dung

Bà Võ Bích Hải

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê văn Ban - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Lương Sơn Bá - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 42/2023/TLPT- KDTM ngày 20 tháng 12 năm 2023 về việc "*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa"*.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 18/2023/KDTM ngày 28 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 04/2024/QĐ-PT ngày 02 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn: Công ty TNHH N**

Địa chỉ: Số B, Quốc lộ H, ấp P, xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ.

Đại diện theo pháp luật bà Nguyễn Thị Kim T – Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Văn E.

Địa chỉ: Số A đường L, phường T, quận B, thành phố Cần Thơ

(Được ủy quyền theo Văn bản ủy quyền ngày 22/12/2022).

2. **Bị đơn: Công ty Cổ phần S**

Đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Tiến H – Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ: Tầng H, Tòa nhà M, số F N, K, quận N, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật tại chi nhánh C: Ông Hoàng Văn T1.

Địa chỉ chi nhánh: Số D B, phường P, quận C, thành phố Cần Thơ.

(Các đương sự có mặt)

3. **Người kháng cáo*:* Công ty Cổ phần S**

## NỘI DUNG VỤ ÁN

*Theo đơn khởi kiện ngày 05 tháng 10 năm 2022 và quá trình giải quyết vụ án đại diện ủy quyền của nguyên đơn trình bày yêu cầu khởi kiện:*

Công ty trách nhiệm hữu hạN Nguyễn Huỳnh T2 có ký hợp đồng góp vốn xây dựng tổng kho Miền Tây ngày 11/01/2020 với Công ty Cổ phần S do ông Đỗ Tiến H – Giám đốc Công ty làm đại diện. Theo thỏa thuận, Công ty S cung cấp cho Công ty N các mặt hàng Sơn Việt N do Công ty N1, phân phối.

Căn cứ vào biên bản đối chiếu xác nhận công nợ tính ngày 26/11/2021, Công ty Cổ phần S đã thừa nhận còn nợ Công ty TNHH N số tiền cụ thể gồm:

- Số tiền 246.458.488 đồng, Công ty S sẽ thanh toán trong thời gian tối đa bốn tháng tính từ ngày 19/11/2020 và tiền đơn hàng ngày 19/11/2020 (đổi hàng) số tiền 693.957.000 đồng.

Ngày 18/06/2022 do hàng hóa đã cận date Công ty S1 đã thu hồi hàng số tiền 620.593.000 đồng (phần hàng này chưa đổi mới và chưa hoàn lại phần tiền cho Công ty N)

Như vậy, đến ngày 15/08/2022 Công ty Cổ phần S còn nợ Công ty TNHH N tổng số tiền: 1.561.008.488 đồng trong đó, nợ đợt 1: 246.458.488đồng; Nợ đổi trả hàng: 693.957.000; Nợ hàng quá date: 620.593.000 đồng và tiền lãi 98.070.393.

***Tại phiên toà sơ thẩm***, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền gốc là 1.469.078.288 đồng và tiền lãi tính từ ngày 05/10/2022 cho đến ngày xét xử sơ thẩm là 28/9/2023 với lãi suất là 10%/năm trên dư nợ gốc.

*Quá trình giải quyết vụ án đại diện Công ty Cổ phần S – Chi nhánh C là ông Hoàng Văn T1 trình bày:*

Tháng 01 năm 2020 Công ty S có ký hợp đồng mua bán, tổng kho là Công ty TNHH N Trong thời gian mua bán có phát sinh một số hàng hóa cận date, được thống nhất hai bên cùng đưa số hàng hóa đó về Công ty xử lý do hàng gần hết hạn. Có biên bản kèm theo ngày 26/11/2021, tương ứng số tiền hàng là 848.485.288 đồng

và ngày 18/6/2022 số hàng hóa thu về tương ứng quy đổi là 620.593.000 đồng. Ông T1 xác nhận có nhận về số hàng hóa cận date nói trên. Đối với những biên bản đối chiếu công nợ trước đây do ông Đỗ Tiến H trực tiếp ký với nguyên đơn cho nên ông T1 không rõ.

***Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 18/2023/KDTM ngày 28 tháng 9 năm 2023, Tòa án nhân dân quận Cái Răng đã tuyên xử như sau:***

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn Nguyễn Huỳnh Tấn .

Buộc Công ty cổ phần S có trách nhiệm trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạN Nguyễn Huỳnh T2 tổng số tiền là 1.612.553.371 đồng. Trong đó tiền gốc là 1.469.078.288 và tiền lãi tính đến ngày xét xử 28/9/2023 là 143.475.083 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền nêu trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự theo luật định.

*Ngày 12/10/2023. Bị đơn có đơn kháng cáo xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm yêu cầu hủy bản án sơ thẩm.*

***Tại phiên tòa phúc thẩm,***

*Đại diện pháp luật của Công ty Cổ phần S – ông Đỗ Tiến H:* trình bày thừa nhận số tiền nợ đồng ý trả cho nguyên đơn, riêng phần lãi suất đề nghị hội đồng xét xử nên xem xét lại, đối với hàng hóa cận date đồng ý đổi lại cho nguyên đơn, nếu phải thanh toán tiền thì đề nghị mỗi bên phải chịu 50% thiệt hại cho hàng hóa đổi lại.

*Đại diện ủy quyền của nguyên đơn – Ông Nguyễn Văn E*: Vẫn giữ yêu cầu khởi kiện và không chấp nhận kháng cáo của bị đơn đề nghị giữ y án sơ thẩm.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:***

Về thủ tục tố tụng: Đương sự và Tòa án các cấp thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ vào hợp đồng góp vốn xây dựng tổng kho miền tây ngày 11/01/2020 giữa công ty cổ phần S và công ty TNHH N theo hợp

đồng công ty S cung cấp cho công ty N các mặt hàng liên quan đến sơn do công ty nhập khẩu, phân phối

Qúa trình thực hiện hợp đồng theo bản đối chiếu xác nhận công nợ ngày 26/11/2021 thì công ty S còn nợ công ty Nguyễn Huỳnh T2, tổng số tiền là 848.485.288 đồng và được giám đốc ông Đỗ Tiến H xác nhận. Ngoài ra theo biên bản thu đổi hàng hóa cận DATE đổi DATE mới ngày 18/6/2022 thì công ty S còn thiếu tiền hàng là 620.593.000 đồng được ông Hoàng Văn T1 đại diện theo pháp luật chi nhánh C xác nhận. Tại phiên tòa phúc thẩm phía bị đơn ông H thừa nhận có ký xác nhận vào biên bản đối chiếu công nợ ngày 26/11/2021; ông T1 thừa nhận có nhận đủ số lượng hàng hóa thu hồi theo biên bản thu đổi hàng hóa cận DATE đổi DATE mới ngày 18/6/2022. Bị đơn thỏa thuận với nguyên đơn về cách trả và thời gian trả nợ nhưng nguyên đơn không đồng ý, do bị đơn đã thừa nhận còn nợ số tiền 1.469.078.288 đồng và mức tính lãi suất chậm thanh toán 10%/năm là phù hợp với quy định pháp luật nên bản án sơ thẩm tuyên là có cơ sở.

Với những ý kiến nêu trên, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Công ty Cổ phần S, áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm.

*Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa.*

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Công ty TNHH N khởi kiện công ty Cổ phần S thanh toán tiền hàng phát sinh từ việc mua bán hàng hóa, giữa pháp nhân với pháp nhân vì mục đích lợi nhuận. Công ty Cổ phần S có trụ sở tại Tầng H Tòa nhà – MD C, số F N, quận N, Hà Nội, tuy nhiên quá trình ký hợp đồng và mua bán phát sinh từ hoạt động chi nhánh C tại số D B, phường P, quận C, thành phố Cần Thơ. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ và quan hệ pháp luật là *"Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa"*. Theo quy định khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 là phù hợp.

[2] Về nội dung:

[2.1] Công ty Cổ phần S ký hợp đồng với Công ty TNHH N hợp đồng thỏa thuận độc quyền phân phối các mặt hàng Sơn Việt N do công ty N1, phân phối. Quá

trình thực hiện hợp đồng các bên có giao nhận hàng hóa và giao nhận tiền. Ngày 26/11/2021 hai Công ty có biên bản đối chiếu xác nhận công nợ với nội dung *"Đến hết ngày 20/10/2021 Công ty Cổ phần S còn nợ Công ty TNHH N với tổng số tiền 02 đợt là: 246.458.488 đồng + 693.957.000 đồng – 91.930.200 = 848.485.288 đồng"*. Theo đó Biên bản đối chiếu xác nhận công nợ được công ty N2 và chuyển đến công ty S để xác nhận rồi chuyển lại cho công ty N3 Xét, biên bản trên đã được người đại diện theo pháp luật, giám đốc ông Đỗ Tiến H ký nhận và có đóng con dấu pháp nhân công ty, mặc dù từ khi thụ lý đến khi xét xử sơ thẩm không ghi nhận được ý kiến của ông Đỗ Tiến H nhưng phía bị đơn cũng đã tiếp cận được chứng cứ này, không thừa nhận có nợ 848.485.288 đồng, nhưng cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh phía bị đơn không có nợ. Mặt khác sau khi kháng cáo bị đơn cũng không cung cấp chứng cứ mới. Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay bị đơn cũng đã thừa nhận số nợ và số hàng nhận về chưa giao cho nguyên đơn, hai bên có thương lượng, thỏa thuận tại tòa nhưng cũng không thống nhất cách thanh toán.

[2.2] Đối với *Biên bản thu hồi hàng hóa cận date đổi date mới ngày 18/6/2022* giữa bên thu hàng là Công ty cổ phần S và bên đổi hàng là công ty TNHH N, ông Hoàng Văn T1 là người đại diện theo pháp luật chi nhánh C của công ty S thừa nhận số hàng thu về tương ứng quy đổi là 620.593.000 đồng (BL 84). Đây là lời thừa nhận đương sự thuộc tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Từ những phân tích trên thể hiện các chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là khách quan, có căn cứ phù hợp để chứng minh yêu cầu khởi kiện. Bản án sơ thẩm tuyên xử dựa trên các chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là có căn cứ, nên kháng cáo của bị đơn là không có cơ sở để chấp nhận. Nên cần phải giữ y án sơ thẩm đã tuyên xử.

[3] Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Do kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận nên phải chịu án phí theo qui định.

[4] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Không chấp nhận kháng cáo của Công ty Cổ phần S yêu cầu hủy bản án sơ thẩm.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn Nguyễn Huỳnh Tấn .

Buộc bị đơn công ty cổ phần S có trách nhiệm trả cho nguyên đơn công ty trách nhiệm hữu hạn N tổng số tiền là 1.612.553.371 đồng (Một tỷ, sáu trăm mười hai triệu, năm trăm năm mươi ba ngàn, ba trăm bảy mươi mốt đồng). Trong đó tiền gốc là 1.469.078.288 đồng (Một tỷ, bốn trăm sáu mươi chín triệu, không trăm bảy mươi tám ngàn, hai trăm tám mươi tám đồng) và tiền lãi tính tới ngày xét xử sơ thẩm 28/9/2023 là 143.475.083 đồng (Một trăm bốn mươi ba triệu, bốn trăm bảy mươi lăm ngàn, không trăm tám mươi ba đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền nêu trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

2. *Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:*

Bị đơn phải chịu 60.376.601 đồng (Sáu mươi triệu, ba trăm bảy mươi sáu ngàn, sáu trăm lẻ một đồng).

Nguyên đơn không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm; hoàn trả cho nguyên đơn 30.887.000 đồng (Ba mươi triệu, tám trăm tám mươi bảy ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đã nộp theo biên lai số: 0003326 ngày 14/7/2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ.

3. *Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:*

Bị đơn phải chịu 2.000.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm đã nộp 2.000.000 đồng theo biên lai số: 0003015 ngày 30/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ. Bị đơn đã nộp đủ án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền tự thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án ngày 26/01/2024./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Trần Trí Dũng**

***Nơi nhận:***
- Đương sự;
- VKSND TPCT;
- TAND Q. Cái Răng.
- Cục THADS Q. Cái Răng;
- Lưu (2b).